TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1977 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc G và ông Trần Văn P tự nguyện chung sống thực tế từ năm 1998, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh L vào ngày 30/10/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau.

Vì tình cảm với ông P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà G không thể tiếp tục chung sống với ông P được nữa, nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà có yêu cầu được nuôi cháu Trần Gia H, sinh ngày 08/5/2014 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Gia H1, sinh năm 1999 do đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Nguyễn Ngọc G có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Văn P dù đã được được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Ông P cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

**** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:***

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và đã xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được quyền ly hôn với bị đơn. Về con chung, đề nghị giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 08/5/2014 cho bà Nguyễn Ngọc G chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà G tự nguyện không yêu cầu ông P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B, nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa, nhưng ông P vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự (theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Ngọc G và ông Trần Văn P tự nguyện chung sống thực tế từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh L vào ngày 30/10/2014, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Văn P vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau.

Xét thấy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy bị đơn không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay và không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng. Do đó, mâu thuẫn giữa bà G và ông P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Hiện bà G có công việc và thu nhập ổn định từ việc kinh doanh phòng trọ cho thuê với thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng, nên việc bà G có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Gia H, sinh ngày 08/5/2014 là có căn cứ chấp nhận. Bà G cũng tự nguyện không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này. Đối với con chung tên Trần Gia H1, sinh năm 1999 do đã trưởng thành, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G đối với bị đơn ông Trần Văn P về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 08/5/2014 cho bà Nguyễn Ngọc G được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G về việc không yêu cầu bị đơn ông Trần Văn P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà G và ông P đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc G phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0011494 ngày 28/6/2023 tại Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Phước Thành